

MỘT SỐ NÉT VỀ TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH TRÊN VÙNG ĐẤT NAM BỘ TỪ ĐẦU THẾ KỶ XVII ĐẾN GIỮA THẾ KỶ XIX

NGUYỄN ĐỨC NHUỆ

1. Thời các chúa Nguyễn

Tính từ khi chúa Nguyễn Phúc Nguyên lập sở thu thuế ở Prei Nokor (Sài Gòn) và Kas Krobei (Bến Nghé) và cử quan quân đến đóng đồn án giữ vào năm 1623 đến năm 1757, toàn bộ miền đất Nam Bộ chịu sự quản lý toàn diện của chính quyền các chúa Nguyễn ở Đàng Trong.

Nhằm khẳng định và tiến hành thực thi chủ quyền trên vùng đất mới, các chúa Nguyễn đã thiết lập và củng cố hệ thống chính quyền địa phương, tổ chức quân đội và triển khai các hoạt động kinh tế theo mô hình chung của xứ Đàng Trong. Lãnh thổ Đàng Trong từ sau khi Nguyễn Phúc Khoát xưng vương (1744) được chia làm 12 dinh. Vùng đất Nam Bộ có 3 dinh là Trấn Biên (Biên Hòa), Phiên Trấn (Gia Định) và Long Hồ (Vĩnh Long). Riêng Hà Tiên đặt làm 1 trấn, có chức Đô đốc đứng đầu và giao cho dòng họ Mạc (con cháu Mạc Cửu) quản lý.

Dinh Trấn Biên, trị sở đóng tại huyện Phúc Long, quan thuộc gồm Ký lục, Cai án, Tri bạ mỗi chức 1 người. Sở thuộc có ty Xá sai, Câu kê 1 người, Cai hợp 1 người, ty Tướng thần lại Câu kê 1 người,

Cai hợp 2 người, Thủ hợp 2 người, Lại viên 10 người.

Dinh Phiên Trấn, lị sở đóng tại huyện Tân Bình, quan thuộc gồm Ký lục, Cai án, Tri bạ mỗi chức 1 người. Sở thuộc có ty Tướng thần lại Câu kê 2 người, Cai hợp 3 người, Thủ hợp 7 người, Lại viên 10 người.

Dinh Long Hồ lị sở đóng tại châu Định Viễn, quan thuộc gồm Ký lục, Cai án, Tri bạ mỗi chức 1 người. Sở thuộc thì có Ty Tướng thần lại, ty Xá sai, số viên chức như dinh Trấn Biên.

Hệ thống quan thuộc ở các phủ, huyện, tổng được quy định như sau: Mỗi phủ, huyện đều có chức Tri phủ, Tri huyện đứng đầu và bộ phận giúp việc như Đề lại, Thông lại, Huấn đạo. Ngoài ra, ở mỗi phủ đều có các chức Chánh hộ khám lý, Đề đốc, Đề lĩnh, phủ ký lục, phủ thư ký mỗi chức một người. Mỗi huyện có các chức Cai tri, Huyện thư ký mỗi chức 1 người, Duyệt lại 2 người.

Dưới huyện là các tổng, xã vùng đồng bằng và các thuộc (tương đương tổng), thôn, phường, nậu man ... ở miền núi hay miền biển. Mỗi tổng thì Cai tổng 2 người; các thuộc thì mỗi thuộc Đề lĩnh, Cai thuộc mỗi chức 1 người, ký thuộc 2 người, Cai tổng 2 người, Duyệt lại 2 người.

* TS. Nguyễn Đức Huệ, Viện Sử học

ở cấp xã, các chúa Nguyễn đặt ra các chức Tướng thân và Xã trưởng. Những xã có 999 người trở xuống đặt 18 Xã trưởng và Tướng thân; 400 người trở xuống đặt 8 Xã trưởng và Tướng thân; 119 người trở xuống đặt 1 Xã trưởng hay Tướng thân. Năm 1726, chúa Nguyễn đặt ra các thuộc. Những thuộc có 500 người trở lên thì đặt 1 Cai thuộc, 1 Ký lục; 450 người trở xuống thì đặt 1 Ký thuộc; 100 người trở xuống chỉ đặt 1 Tướng thân.

Về đơn vị *Thuộc*, tác giả Lê Quý Đôn cho biết: "Họ Nguyễn mở mang cõi Nam, đặt ra phủ huyện các nơi gần núi, rừng, dọc sông biển, thường đặt làm thuộc, cho các phường, thôn, nậu, man lữ tể lệ vào, đặt nhân viên coi ộp, cũng giống như các tổng; có chỗ thu thóc tô ruộng, có chỗ thu tiền nộp thay, khi làm sổ tuyển đình, số dân có thể biết được, số dân có thể biết được, của cải phú thuế cũng nhiều, cũng là kỹ vậy. Các chức viên trông coi Thuộc không được xếp vào quan chức địa phương mà trực tiếp do Nội phủ quản lý⁽¹⁾."

Trong hệ thống quan chức địa phương kể trên, họ Nguyễn đặt riêng một ngạch chuyên thu thuế gọi là *Bản đường quan* bao gồm các chức Đề đốc, Phó đề đốc, Đề lĩnh, Phó đề lĩnh, Ký lục, Ký phủ, Thư ký trông nom sổ sách và Cai tri, Cai phủ đôn đốc thu thuế ở cấp phủ, các chức Thư ký, Duyệt lại phụ trách sổ sách và thu thuế ở cấp huyện ...

Năm 1779, sau khi lên ngôi chúa, Nguyễn Ánh cho đặt công đường ở các dinh Trấn Biên, Phiên Trấn và Long Hồ, đóng chiến thuyền, chứa quân lương để đối phó với nhà Tây Sơn, đồng thời phân chia địa giới ba dinh Trấn Biên, Phiên Trấn và Long Hồ:

Dinh Trấn Biên lĩnh 1 huyện (Phúc Long), có 4 tổng (Tân Chính, Bình An, Long Thành và Phúc An).

Dinh Phiên Trấn lĩnh 1 huyện là Tân Bình, có 4 tổng (Bình Dương, Tân Long, Phúc Lộc và Bình Thuận).

Dinh Long Hồ đổi làm dinh Hoàng Trấn, lĩnh 1 châu là Định Viễn, có 3 tổng (Bình An, Bình Dương và Tân An).

Đạo Trường Đồn là nơi yếu địa của ba dinh nên chúa Nguyễn cho đặt làm dinh Trường Đồn (nay là tỉnh Định Tường), lĩnh 1 huyện (Kiến An), có 3 tổng (Kiến Đăng, Kiến Hưng và Kiến Hòa). ở mỗi dinh đều đặt các chức lưu thủ, cai bạ, ký lục để cai trị. Riêng miền đất Gia Định còn là nơi nhiều rừng rú đầm lầy, nên chúa Nguyễn cho mộ dân tới ở, được tùy tiện lập ấp vỡ hoang. Chúa Nguyễn lại cho đặt chín trường khố nạp riêng (các kho Quy An, Quy Hóa, Cảnh Dương, Thiên Mụ, Giản Thảo, Hoàng Lạp, Tam Lạch, Bả Canh, Tân Thịnh) để thu thuế, số thuế nhiều ít không đều nhau...⁽²⁾.

Khoảng nửa sau thế kỷ XVIII, tác giả Lê Quý Đôn cho biết số liệu về các thôn nậu, đình số và ruộng đất ở 3 dinh trấn Trấn Biên, Phiên Trấn và Long Hồ như sau:

Dinh Trấn Biên, số thôn huyện Phúc Long là hơn 250 thôn, dân số chừng 8000 người, lệ thuế ruộng là hơn 2000 hộ. Các nậu về các thuộc Canh Dương, Thiên Mụ, Hoàng Lạp chừng 40 thôn nậu, dân số 1000 người, lệ nộp thuế có 20 chiếc chiến thuyền (khoảng 1000 người, được miễn sưu, bổ sung vào lực lượng tạm binh canh giữ các cửa biển, đầu nguồn). Các nậu về thuộc Ô Tất chừng 30 nậu, dân số ước 500 đình, 10 chiếc chiến thuyền. Trường Giản Thảo, số ruộng có chừng 60 sở.

Dinh Phiên Trấn, số thôn thuộc huyện Tân Bình hơn 350 thôn, số dân hơn 15.000 người, lệ thuế ruộng hơn 3.000 hộ. Số thôn thuộc Quy An hơn 100 thôn, số dân

hơn 3.000 đình, chiến thuyền 50 chiếc, lệ thuế ruộng hơn 5.000 hộ. Số thôn thuộc Tam Lạch 100 thôn, số dân 4.000 đình, chiến thuyền 70 chiếc, số ruộng hơn 5.000 thửa. Số thôn 3 trại Bả Canh, Bá Lai, Rạch Kiến 100 thôn, chiến thuyền 70 chiếc, số ruộng hơn 4.000 thửa.

Đình Long Hồ, số thôn 8 châu Định Viễn 350 thôn, số dân 7.000 người, số ruộng 7.000 thửa.

Nhìn chung tổ chức hành chính và bộ máy quản lý trong thời kỳ đầu còn đơn giản, mức độ tập trung còn hạn chế nhưng ít nhiều thông qua quá trình hoạt động của bộ máy quản lý, quyền lực thực tế của các chúa Nguyễn trong việc kiểm soát ruộng đất, nhân đinh, tô thuế... đã được thực thi xuống tận cơ sở. Ngoài ra, các chúa Nguyễn cũng tổ chức lực lượng quân đội khá đông đảo ở các dinh trấn nhằm bảo vệ chủ quyền trên vùng đất mới.

Tổ chức quân đội thời các chúa Nguyễn gồm 3 hạng quân: quân Túc vệ bảo vệ Kinh thành Phú Xuân, thủ phủ của xứ Đàng Trong từ năm 1736; quân chính quy thường trực ở các dinh và thổ binh ở các địa phương. Lực lượng quân đội được tổ chức ở các dinh Trấn Biên, Phiên Trấn, Long Hồ và trấn Hà Tiên khá mạnh, nhằm giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn và bảo vệ lãnh thổ trước sự xâm lấn của Xiêm La, giúp đỡ Chân Lạp khi có nội biến.

Giữa thế kỷ XVIII trở đi, chế độ phong kiến ở Đàng Ngoài và Đàng Trong bước vào giai đoạn khủng hoảng trầm trọng. Từ những năm cuối của thập niên 40, phong trào nổi dậy của nông dân ở Đàng Ngoài diễn ra rầm rộ và rộng khắp. ở Đàng Trong, ngay những năm đầu thế kỷ XVIII cũng đã diễn ra các cuộc nổi dậy lẻ tẻ của nhân dân chống lại chính quyền. Năm 1708, đồng bào thiểu số miền Bà Rịa nổi dậy. Năm 1746, đồng bào thiểu số ở

Trấn Biên do Dương Bao Lai và Diệp Mã Lăng cầm đầu nổi dậy. Tiếp đó, năm 1747, tại Trấn Biên lại nổ ra một cuộc nổi dậy do một người Hoa kiều là Lý Văn Quang cầm đầu nhưng bị Lưu thủ Nguyễn Cường Cai cơ đạo Hưng Phúc là Tống Phước Đại hợp quân đánh dẹp, bắt được Văn Quang và đồ đảng 57 người. Nguyễn Phúc Khoát thấy là người Thanh nên không giết tội, đều hạ ngục⁽³⁾.

Sau khi Võ vương Nguyễn Phúc Khoát mất (1765), chính quyền Đàng Trong ngày càng suy đồi. Nguyễn Phúc Thuần lên nối ngôi chúa khi mới 11 tuổi, mọi quyền hành đều tập trung vào tay quyền thần Trương Phúc Loan. Trước sự bóc lột tô thuế, lao dịch, binh dịch ngày càng nặng nề, nhân dân Đàng Trong tiếp tục nổi dậy phản kháng. Năm 1770, tại Hà Tiên, một người lính là Phạm Lam và một số người JaVa, Chân Lạp đã cầm đầu một cuộc nổi dậy vũ trang 15 thuyền chiến với hơn 1.000 người tham gia. Đây là cuộc nổi dậy có quy mô lớn được đông đảo quần chúng nhân dân ủng hộ.

Năm 1771 cuộc khởi nghĩa nông dân Tây Sơn bùng nổ tại ấp Tây Sơn (Bình Định) với lực lượng nghĩa quân buổi đầu lên đến vài ngàn người. Năm 1773, nghĩa quân hạ thành Quy Nhơn và phát triển thế lực ra Quảng Ngãi, vào Bình Thuận. Lợi dụng lúc chính quyền Đàng Trong suy sụp trước sức tiến công của quân Tây Sơn, năm 1774, quân Lê - Trịnh tiến công vào Nam. Nghĩa quân Tây Sơn tạm thời hòa hoãn với quân Trịnh để tập trung lực lượng tiêu diệt quân Nguyễn. Sau khi quân Trịnh rút về Bắc, miền Quảng Nam do quân Tây Sơn quản giữ.

Từ năm 1776 trở đi, vùng đất Nam Bộ trở thành địa bàn tranh chấp giữa các chúa Nguyễn (từ năm 1778, đại diện chính thức là Nguyễn Ánh) và Tây Sơn.

Quân Tây Sơn nhiều lần quản lý được Gia Định nhưng lực lượng mỏng và yếu nên không giữ được và bị quân Nguyễn ánh chiếm lại.

Tháng 2 năm 1801, Nguyễn ánh chiếm được Quảng Nam, tháng 6 chiếm thành Phú Xuân, triều đình Tây Sơn bị bắt gấn hết. Đến tháng 6 năm 1802, Nguyễn ánh chiếm được Bắc Hà, vương triều Tây Sơn sụp đổ hoàn toàn.

2. Tổ chức hành chính ở Nam Bộ dưới triều Nguyễn:

Ngày mùng 2 tháng 5 năm Nhâm Tuất (tức ngày 1-6-1802), Nguyễn ánh lên ngôi Hoàng đế, đặt niên hiệu là Gia Long, mở đầu cho vương triều Nguyễn. Kinh đô đóng ở Thuận Hóa (Huế).

Vùng đất Nam Bộ đóng một vai trò rất đặc biệt quan trọng trong quá trình giúp đỡ Nguyễn ánh chống lại nhà Tây Sơn, lập nên vương triều Nguyễn. Do đó sau khi lên ngôi, Gia Long cũng như các vị vua kế nhiệm (Minh Mệnh, Thiệu Trị) đặc biệt quan tâm đến vùng đất Nam Bộ.

Ngay sau khi vương triều Nguyễn được xác lập, năm 1802 vua Gia Long ra quy định xếp đặt lại hệ thống quan chức ở các dinh trấn trong cả nước. Theo lệ chuẩn thì: trấn Phiên An, Biên Hoà, Vĩnh Thanh, Định Tường đều đặt Thư ký, Cai án, Tri bạ, ty Xá sai, ty Tướng thân lại... Đạo Long Xuyên, đạo Kiên Giang đều đặt Cai án, Tri bạ, viên dịch các ty từ thuộc lại ty trở lên, tùy nơi nhiều việc, ít việc đều không có số định trước. Lại chuẩn chọn những người thông hiểu chính sự mà làm được việc, bổ vào 2 ty tả thừa hữu thừa trong bản trấn⁽⁴⁾. Riêng phủ Gia Định, từ năm 1800, Nguyễn ánh cho đổi thành trấn Gia Định, và đến năm 1802, đặt các chức Tổng trấn, Phó tổng trấn, Cai bạ, Cai án, Tri bạ

Năm 1808, vua Gia Long cho đổi Gia Định trấn làm Gia Định thành, dinh Phiên Trấn làm trấn Phiên An, dinh Trấn Biên làm trấn Biên Hoà, dinh Vĩnh Trấn làm trấn Vĩnh Thanh, dinh Trấn Định làm trấn Định Tường; ở các trấn thì nâng huyện lên thành phủ, nâng tổng lên thành huyện (trấn Phiên An có 1 phủ, 4 huyện; trấn Biên Hoà có 1 phủ, 4 huyện; trấn Vĩnh Thanh có 1 phủ, 3 huyện; thuộc trấn Định Tường có 1 phủ, 2 huyện; hai đạo Long Xuyên và Kiên Giang cũng đặt là 2 huyện Long Xuyên và Kiên Giang, mỗi huyện đều đặt 2 tổng. Mỗi huyện đặt một chức Tri huyện. Đồng thời chuẩn định số nhân viên cho Tả hữu thừa ty, Chiêm hậu ty, Lương y ty của các thành dinh trấn.

Năm Minh Mệnh thứ 3 (1822), nhà Nguyễn cho đổi định số viên chức ở hai thừa ty và các thành dinh trấn. Ngạch cũ thành Gia Định 138 người, tăng làm 160 người; Biên Hòa 60 người, tăng làm 74 người; Phiên An, Định Tường 118 người, giảm còn 108 người; Vĩnh Thanh 118 người; Hà Tiên 46 người, vẫn theo ngạch cũ. Cai hợp thực thụ trước, thì đổi bỏ chánh bát phẩm thụ lại; thủ hợp đổi bỏ chánh cửu phẩm thụ lại⁽⁵⁾.

Đối với cấp huyện, tháng 2, năm Gia Long thứ 12 (1813), nhà Nguyễn bắt đầu đặt Tri huyện Gia Định, mỗi huyện 2 người, kén các tri huyện thâm niên ở bốn dinh trực lệ và hai trấn Quảng Ngãi, Bình Định để sung bổ. Đồng thời sai chọn đất xây dựng lý sở các phủ huyện.

Theo ghi chép của Trịnh Hoài Đức, đến năm 1816 hệ thống các đơn vị hành chính từ cấp trấn đến xã thôn ở Nam Bộ như sau:

- Trấn Phiên An gồm 1 phủ (Tân Bình), 4 huyện (Bình Dương, Tân Long, Phúc Lộc, Thuận An), 8 tổng, 460 xã, thôn, phường, lân, ấp.

- Trấn Biên Hoà gồm 1 phủ (Phúc Long), 4 huyện (Phúc Chính, Bình An, Long Thành, Phúc An), 8 tổng và 310 xã, thôn, phường.

- Trấn Định Tường gồm 1 phủ (Kiến An), 3 huyện (Kiến Đăng, Kiến Hưng, Kiến Hoà), 6 tổng và 314 thôn, ấp.

- Trấn Vĩnh Thanh gồm 1 phủ (Định Viễn), 4 huyện (Vĩnh Bình, Vĩnh An, Vĩnh Định, Tân An), 6 tổng và 353 thôn, phường, ấp, trại, xóm.

- Trấn Hà Tiên có 2 huyện (Kiên Giang, Long Xuyên), 4 tổng và 103 xã, thôn, xóm, phố, đội, nậu, thuộc, sở, sóc.

- Khu vực lệ thuộc trấn Hà Tiên (chưa đặt danh hiệu phủ, huyện, tổng) gồm 52 xã thôn, xóm, phố, sở, thuộc, đội, sóc. Trong đó:

Người Việt 19 xã, thôn, thuộc.

Người Minh Hương, người Thanh (Hoa kiều) 6 phố, sở, xóm, thuộc.

Người Cao Miên 26 sóc.

- Năm 1819 thì trấn Phiên An số đinh 28.200 người, điền thổ hơn 4.800 sớ; Biên Hoà số đinh hơn 10.600 người, điền thổ hơn 2.800 sớ; Định Tường số đinh hơn 19.800 người, điền thổ hơn 7.000 sớ; Vĩnh Thanh số đinh hơn 37.000 người, điền thổ hơn 9.900 sớ; Hà Tiên số đinh hơn 1.500 người, điền thổ 60 sớ. Riêng năm 1813 số đinh ở Gia Định tăng lên 26.000 người.

Cùng với quá trình kiện toàn hệ thống hành chính các cấp, từ cuối thế kỷ XVIII và trong thời Gia Long trên vùng đất Nam Bộ việc xây dựng các thành trì, trấn lỵ- nơi đặt bộ máy cai trị- được đẩy mạnh. ở dọc tuyến biên giới (cả đường bộ lẫn ven biển) giáp ranh với Cao Miên và Xiêm La, nhà Nguyễn cho lập nhiều đồn bảo, thủ sở có binh lính đóng giữ. Về cơ bản nhà Nguyễn rất chú trọng đến việc phòng thủ

biên giới, ý thức về việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia rất rõ ràng.

Đầu thời Minh Mệnh, nhà Nguyễn vẫn giữ nguyên hệ thống hành chính các cấp thời Gia Long. Gia Định thành bao gồm 5 trấn Phiên An, Biên Hoà, Vĩnh Thanh, Định Tường và Hà Tiên. Dưới trấn là các đơn vị hành chính cấp phủ, huyện, tổng, xã ... Năm Minh Mệnh thứ 4 (1823), nhà Nguyễn cho định lại phẩm trật các chức ở phủ huyện. Phủ đặt 1 Tri phủ, trật Tông ngũ phẩm, huyện đặt 1 Tri huyện, trật Tông lục phẩm, ở tổng đặt chức Cai tổng.

Trong thời Minh Mệnh, xuất phát từ điều kiện thực tế: ruộng đất khẩn hoang ngày càng nhiều, dinh số hộ khẩu ngày càng tăng nên nhà Nguyễn cho lập thêm nhiều đơn vị hành chính mới (tổng nâng lên thành huyện, huyện thăng thành phủ...).

Trong hai năm 1831- 1832 Minh Mệnh tiến hành cải cách hành chính trên phạm vi cả nước, mà trước hết chia đặt các tỉnh ở Bắc Thành. Từ Thừa Thiên trở ra Bắc đặt làm 18 tỉnh. Tháng 10 năm Nhâm Ngọ (1832), 3 tháng sau khi Tổng trấn Gia Định thành là Lê Văn Duyệt chết, Minh Mệnh tiến hành chia đặt các tỉnh từ Thừa Thiên trở vào Nam. Sắp xếp đơn vị hành chính ở Nam Kỳ sau năm 1832 như sau:

Tỉnh Phiên An: gồm 2 phủ Tân Bình, Tân An và 5 huyện Bình Dương, Tân Long, Phúc Lộc, Thuận An, Tân Hoà.

Tỉnh Biên Hoà: có 1 phủ Phúc Long và 4 huyện Phúc Chính, Phúc An, Bình An, Long Thành.

Tỉnh Vĩnh Long: gồm 3 phủ Định Viễn, Hoàng An, Lạc Hoá và 6 huyện Vĩnh Bình, Vĩnh Tự, Tân Minh, Bảo An, Tuân Nghĩa, Trà Vinh.

Tỉnh Định Tường: có 1 phủ Kiến An và

3 huyện Kiến Hưng, Kiến Đăng, Kiến Hoà.

Tỉnh An Giang : có 2 phủ Tân Thành, Tuy Biên và 4 huyện Vĩnh An, Vĩnh Định, Đông Xuyên, Tây Xuyên.

Tỉnh Hà Tiên : có 1 phủ Khai Biên và 3 huyện Hà Châu, Long Xuyên, Kiên Giang.

Các tỉnh An - Biên (Phiên An, Biên Hòa), Long - Tường (Vĩnh Long, Định Tường), An - Hà (An Giang, Hà Tiên), thì Tổng đốc kiêm làm việc Tuần phủ. Tổng đốc An - Hà lại *kiêm cả việc bảo hộ nước Chân Lạp* ... Biên Hoà, Định Tường và Hà Tiên thì dùng Bố chính quyền giữ ấn và làm việc Tuần phủ.

Hai ty Bố chính, án sát, mỗi ty có 1 Thông phán và 1 Kinh lịch. Bát, Cửu phẩm thư lại đến Vị nhập lưu thư lại, tùy tỉnh to hay nhỏ mà nhiều hay ít khác nhau.

Các tỉnh Biên Hoà, Định Tường, Hà Tiên, mỗi tỉnh đặt 1 Lãnh binh quan, dùng quan Tông tam phẩm, Phiên An, Vĩnh Long, An Giang, mỗi tỉnh đặt 1 Lãnh binh quan dùng quan Chánh tam phẩm và 1 Phó lãnh binh quan, dùng quan Tông tam phẩm.

Ngoài ra việc xếp đặt quan chức ở các phủ huyện, việc tài chính, thuế khóa, kho tàng, trường sở và xây dựng lỵ sở tỉnh, phủ, huyện cùng thành trì, đồn bảo ở các địa phương và quan hệ ngoại giao với các nước lân bang (Xiêm, Chân Lạp) cũng được kiện toàn trong đợt cải cách hành chính lần này.

Từ sau năm 1832, việc cải tổ, xếp đặt các đơn vị hành chính cấp phủ, huyện, tổng thường xuyên diễn ra trên cơ sở các thôn ấp được hình thành qua quá trình khẩn hoang.

Song song với việc kiện toàn hệ thống hành chính, trong thời Minh Mệnh và

Thiệu Trị, do tình hình chính trị, quân sự trên vùng đất Nam Bộ diễn ra rất phức tạp, đặc biệt là quan hệ giữa triều Nguyễn với Xiêm La rất căng thẳng, trong khi đó nội bộ triều chính Chân Lạp thường xảy ra mâu thuẫn tranh chấp buộc nhà Nguyễn phải can thiệp, nên nhà Nguyễn rất quan tâm đến việc củng cố xây dựng hệ thống thành trì, đồn bảo tấn sở, nhất là ở những vùng biên giới.

Đặc biệt, cuối thời Gia Long sang đầu thời Minh Mệnh, một trong những công trình thủy lợi có quy mô nhất ở Nam Bộ được thực hiện đầu triều Nguyễn là công cuộc đào sông Vĩnh Tế.

Công trình đào kênh Vĩnh Tế kéo dài trong khoảng 5 năm (1819-1824), huy động khoảng hơn 50 vạn binh dân người Kinh và người Chân Lạp cùng tham gia. Sông Vĩnh Tế không chỉ là một công trình thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp và đời sống dân sinh cho dân cư hai nước Việt Nam, Chân Lạp dọc biên giới từ An Giang đến Hà Tiên mà còn được xem như là một con hào bảo vệ vùng biên giới Tây Nam của Việt Nam. Ngay từ thập niên 20 (thế kỷ XIX), sông Vĩnh Tế có thể được xem là đường ranh tương đối giới giữa Việt Nam và Campuchia từ Châu Đốc đến Hà Tiên./

CHÚ THÍCH

1. Lê Quý Đôn: *Phủ biên tạp lục* sdd, tr, 155.
2. *Đại Nam thực lục* Chính biên Đệ nhất kỷ, Tập I, sdd, tr. 208
3. *Đại Nam thực lục* Tiên biên Q. 10, Tập I, sdd, tr. 155
4. *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* Chính biên, Q.12)
5. *Đại Nam thực lục* Chính biên Đệ nhị kỷ, tập II, sdd, tr. 227-228.